

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 6 - 2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện S, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện S, tỉnh An Giang.

(Có mặt bà T, vắng mặt ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày:**

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh An Giang. Sau khi chung sống thì hôn nhân của bà hạnh phúc được thời gian đầu đến tháng

01/2023 âm lịch thì bà và ông H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau về vấn đề kinh tế tiền bạc, ông H thường xuyên ăn chơi, đánh bài, đánh số đề, không minh bạch đối với vấn đề tài chính gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông H bạo hành đánh đập bà 03 lần thương tích nhẹ nên bà không đi bệnh viện, không báo với chính quyền địa phương; hôn nhân không còn hạnh phúc nên từ tháng 01/2023 âm lịch bà và ông H sống ly thân cho đến nay, bà về sống sát bên nhà cha mẹ ruột, còn ông H sống tại nhà chung của vợ chồng. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên A, sinh ngày 08/12/2000 (đã thành niên và có khả năng lao động được) và N, sinh ngày 01/7/2006; hiện cháu N đang sống với ông H. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên N, sinh ngày 01/7/2006; bà không cấp dưỡng cho cháu N.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-4-2023, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh An Giang. Sau khi chung sống thì hôn nhân của ông hạnh phúc được thời gian đầu đến tháng 01/2023 âm lịch thì ông và bà T phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông có đi chơi đánh bài, thua số tiền vài chục triệu đồng nên ông có kêu bà T đưa tiền trả nợ thua bài của ông, bà T không đưa tiền trả mà thu dọn quần áo rồi bỏ nhà đi từ tết đến nay. Ngoài ra, ông và bà T cũng có những mâu thuẫn khác nên ông có đánh bà T 03 lần nhưng thương tích nhẹ. Ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 01/2023 âm lịch cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương bà T nên muốn hàn gắn đoàn tụ lại với bà T, nhưng ông cũng chưa có giải pháp nào để hàn gắn lại.

- Về con chung: Có 02 con chung tên A, sinh ngày 08/12/2000 (đã thành niên và có khả năng lao động được) và N, sinh ngày 01/7/2006; hiện cháu N đang sống với ông. Nếu như Tòa án cho ông và bà T ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên N, sinh ngày 01/7/2006; ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho cháu N.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không nợ.

Tại phiên tòa, bà T có mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông H vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T ly hôn với ông H, giao con chung tên N, sinh ngày 01/7/2006 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; buộc bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn ông H có địa chỉ tại huyện S, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-12-2002. Trong quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, thường xuyên cự cãi, ông H thừa nhận bản thân

có đi chơi đánh bài và còn có những mẫu thuẫn khác nên ông có đánh bà T 03 lần gây thương tích nhẹ, ông và bà T đã sống ly thân từ tháng 01/2023 âm lịch cho đến nay. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 10-4-2023 thể hiện: Bà T, ông H có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau. Xét thấy, ông H đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà T yêu cầu ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên N, sinh ngày 01/7/2006. Xét thấy, từ tháng 01/2023 âm lịch đến nay cháu N sống chung với ông H và cũng theo nguyện vọng của cháu được sống với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho cháu N, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Bà T, ông H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà T, ông H thống nhất không có nợ chung.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T được ly hôn với ông H.

2. *Về nuôi con chung*: Ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên N, sinh ngày 01-7-2006. Hiện ông H đang nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011668 ngày 04-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã V;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi